

56. TƯƠNG ỪNG SỰ THẬT (*SACCASAMĀYUTTA*)

I. PHẨM ĐỊNH (*SAMĀDHIVAGGA*)

I. KINH ĐỊNH (*Samādhisutta*) (S. V. 414)

1071. Nhân duyên ở Sāvatthi.

– Nay các Tỷ-kheo, hãy tu tập định. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có định, như thật rõ biết (*pajānāti*). Và như thật rõ biết gì?

Như thật rõ biết: “Đây là khổ.” Như thật rõ biết: “Đây là khổ tập.” Như thật rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

Này các Tỷ-kheo, hãy tu tập định. Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có định, như thật rõ biết. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

II. KINH THIỀN TỊNH (*Paṭisallānasutta*) (S. V. 414)

1072. Nay các Tỷ-kheo, hãy chú tâm tu tập thiền tịnh. Tỷ-kheo tu tập thiền tịnh, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết. Như thật rõ biết gì?

(Như kinh trên)...

Này các Tỷ-kheo, hãy chú tâm tu tập thiền tịnh. Tỷ-kheo tu tập thiền tịnh, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

III. KINH THIỆN NAM TỬ THỨ NHẤT (*Paṭhamakulaputtasutta*) (S. V. 415)

1073. Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy đã làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế.

Những thiện nam tử nào trong thời vị lai, này các Tỷ-kheo, sẽ chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy sẽ làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế.

Những thiện nam tử nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... sẽ chon chánh xuất gia... chon chánh xuất gia... tất cả những vị ấy làm như vậy để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

IV. KINH THIỆN NAM TỬ THỨ HAI (*Dutiyakulaputtasutta*) (S. V. 415)

1074. Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình; tất cả những vị ấy đã như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế.

Những thiện nam tử nào trong thời vị lai... sẽ như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế.

Những thiện nam tử nào trong thời hiện tại... như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Những thiện nam tử nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã chon chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, đã như thật chứng ngộ... sẽ như thật chứng ngộ... như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

V. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ NHẤT (*Paṭhamasamaṇabrāhmaṇasutta*) (S. V. 416)

1075. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã như thật chánh đẳng giác, tất cả những vị ấy như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời vị lai... sẽ như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại... như thật chánh đẳng giác Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã như thật chánh đẳng giác... sẽ như thật chánh đẳng giác... như thật chánh

đăng giác; tất cả những vị ấy như thật chánh đăng giác Bốn Thánh đế này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VI. KINH SA-MÔN, BÀ-LA-MÔN THỨ HAI

(*Dutiyasamaṇabrāhmaṇasutta*) (S. V. 417)

1076. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã tuyên bố như thật chánh đăng giác; tất cả những vị ấy đã tuyên bố như thật chánh đăng giác Bốn Thánh đế.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời vị lai... sẽ tuyên bố như thật chánh đăng giác... tất cả những vị ấy sẽ tuyên bố như thật chánh đăng giác Bốn Thánh đế.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời hiện tại... tuyên bố như thật chánh đăng giác... tất cả những vị ấy tuyên bố như thật chánh đăng giác Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, đã tuyên bố như thật chánh đăng giác... sẽ tuyên bố... hiện tuyên bố như thật chánh đăng giác, tất cả những vị ấy đã tuyên bố... sẽ tuyên bố... hiện tuyên bố như thật chánh đăng giác Bốn Thánh đế. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VII. KINH CÁC TÂM (*Vitakkasutta*) (S. V. 417)

1077. Này các Tỷ-kheo, chớ có suy tầm các tâm ác, bất thiện như dục tâm, sân tâm, hại tâm. Vì sao?

Các tâm ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, chúng không phải căn bản cho Phạm hạnh, chúng không đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Khi các ông suy tầm, này các Tỷ-kheo, các ông hãy suy tầm: “Đây là khổ.” ... hãy suy tầm: “Đây là khổ tập.” ... hãy suy tầm: “Đây là khổ diệt.” ... hãy suy tầm: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Vì sao?

Các suy tầm ấy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, chúng là căn bản cho Phạm hạnh, chúng đưa đến yểm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VIII. KINH SUY TƯ (*Cintasutta*) (S. V. 418)

1078. Nay các Tỷ-kheo, chớ có suy tư ác, bất thiện tâm: “Thế giới là thường hằng”, hay: “Thế giới là vô thường”, hay: “Thế giới là hữu biên”, hay: “Thế giới là vô biên”, hay: “Sinh mạng này, thân thể này là một”, hay: “Sinh mạng này, thân thể này là khác”, hay: “Nhu Lai có tồn tại sau khi chết”, hay: “Nhu Lai không tồn tại sau khi chết”, hay: “Nhu Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết.” Vì sao?

(Như kinh trên)...

Và có suy tư, nay các Tỷ-kheo, các ông hãy suy tư: “Đây là khổ.” ... hãy suy tư: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Vì sao?

Các suy tư ấy... (như kinh trên).

IX. KINH NÓI LỜI TRANH LUẬN (*Viggāhikakathāsutta*) (S. V. 419)

1079. Nay các Tỷ-kheo, chớ có nói lời tranh luận nhau: “Ông không biết Pháp và Luật này. Tôi biết Pháp và Luật này. Sao ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông theo tà hạnh, tôi theo chánh hạnh. Điều đáng nói trước, ông lại nói sau. Điều đáng nói sau, ông lại nói trước. Lời nói tôi tương ưng. Lời nói ông không tương ưng. Điều ông quan niệm, trình bày đã bị đảo lộn. Quan điểm của ông đã bị thách đổ. Hãy đi giải tỏa quan điểm của ông! Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu ông có thể làm được!” Vì sao?

Những câu chuyện ấy, nay các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, không phải căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Và nay các Tỷ-kheo, nếu có nói, thời hãy nói: “Đây là khổ.” ... hãy nói: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Vì sao?

Các lời nói ấy, nay các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, làm căn bản cho Phạm hạnh... một cố gắng cần phải làm...

X. KINH NÓI LỜI VÔ ÍCH (*Tiracchānakathāsutta*)¹ (S. V. 419)

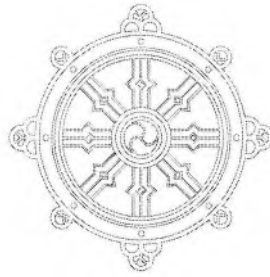
1080. Nay các Tỷ-kheo, chớ có nói những câu chuyện vô ích như câu chuyện về vua chúa, câu chuyện về ăn trộm, câu chuyện về đại thần, câu chuyện về binh lính, các câu chuyện hải hùng, câu chuyện về chiến tranh, câu chuyện về đồ ăn, câu chuyện về đồ uống, câu chuyện về vải mặc, câu chuyện về giường nằm, câu chuyện về vòng hoa, câu chuyện về hương liệu, câu chuyện về bà con, câu chuyện về xe cộ, câu chuyện về làng xóm, câu chuyện về thị tứ, câu chuyện về thành phố, câu chuyện về quốc độ; câu chuyện về đàn bà, câu chuyện về vị anh hùng, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện người đã chết, các câu chuyện tạp thoại, các câu chuyện biến trạng của thế giới, câu chuyện về biến trạng của đại dương, câu chuyện về sự hiện hữu và sự không hiện hữu. Vì sao?

¹ Bản tiếng Anh của PTS: *Talk*, nghĩa là *Nói*.

Những câu chuyện này, này các Tỷ-kheo, không đưa đến mục đích, không phải căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Có nói chuyện, này các Tỷ-kheo, các ông hãy nói chuyện: “Đây là khổ.” ... hãy nói chuyện: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Vì sao?

Các câu chuyện này, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”



II. PHẨM CHUYỀN PHÁP LUÂN (*DHAMMACAKKAPPAVATTANAVAGGA*)

I. KINH CHUYỀN PHÁP LUÂN (*Dhammacakkappavattanasutta*) (S. V. 420)

1081. Một thời, Thế Tôn trú ở Bārāṇasī, tại Isipatana, chỗ Vườn Nai. Tại đây, Thế Tôn bảo chúng năm Tỷ-kheo:

– Có hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, một người xuất gia không nên thực hành theo. Thế nào là hai?

Một là đắm say trong các dục (*kāma*), hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Hai là tự hành khổ mình, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích. Tránh xa hai cực đoan này, này các Tỷ-kheo, là con đường Trung đạo do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Và thế nào là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn? Chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây là con đường Trung đạo, này các Tỷ-kheo, do Như Lai chánh giác, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, sanh là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; oán gặp nhau là khổ; ái biệt ly là khổ; cầu không được là khổ; tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, chính là ái này đưa đến tái sanh câu hữu với hỷ và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là ly tham, đoạn diệt, không có dư tàn khát ái ấy, sự quăng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước.

Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định.

Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ đã được liễu tri, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn tận, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt đã được tu tập, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Ta chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong Bốn Thánh đế này với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật không khéo thanh tịnh ở nơi Ta. Này các Tỷ-kheo, cho đến khi ấy, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Ta không chứng tri đã chánh giác Vô thượng Chánh đẳng giác.

Và cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, trong Bốn Thánh đế này, với ba chuyển và mười hai hành tướng như vậy, tri kiến như thật đã được khéo thanh tịnh ở nơi Ta. Cho đến khi ấy, này các Tỷ-kheo, trong thế giới này với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư thiên và loài người, Ta mới chứng tri đã chánh giác Vô thượng Chánh đẳng giác. Tri kiến khởi lên nơi Ta: “Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa.”

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Chúng năm Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Phật dạy. Trong khi lời dạy này được tuyên bố, Tôn giả Kondaṇṇa khởi lên Pháp nhãn thanh tịnh không cấu uế như sau: “Phàm vật gì được tập khởi, tất cả pháp ấy cũng bị đoạn diệt.”

Và khi pháp luân này được Thế Tôn chuyển vận như vậy, chư thiên cõi đất này lớn tiếng nói lên: “Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên, hay bất cứ một ai ở đời.”

Sau khi được nghe tiếng chư thiên ở cõi đất, Tứ Đại Thiên Vương thiên lớn tiếng nói lên: “Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận một pháp luân chưa từng được ai chuyển vận, Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma vương, Phạm thiên hay bất cứ một ai ở đời.”

Sau khi được nghe tiếng của chư thiên ở Tứ Đại Thiên Vương, thời chư thiên ở cõi trời Ba Mươi Ba... chư thiên Dạ-ma (Yāmā)... chư thiên Đâu-suất (Tusitā)... chư thiên ở Hóa Lạc... chư thiên ở Tha Hóa Tự Tại... chư thiên ở Phạm thiên giới lớn tiếng nói lên: “Nay vô thượng pháp luân này được Thế Tôn ở Ba-la-nại, chỗ chư thiên đọa xứ, tại Vườn Nai, chuyển vận... bất cứ một ai ở đời.”

Như vậy, trong sát-na ấy, trong khoảnh khắc ấy, trong giây phút ấy, tiếng ấy lên đến Phạm thiên giới. Và mười ngàn thế giới chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và một hào quang vô lượng, quảng đại phát chiếu ra ở đời, vượt quá uy lực chư thiên.

Rồi Thế Tôn thốt lên lời cảm hứng sau đây: “Chắc chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña! Chắc chắn đã giác hiểu là Koṇḍañña!”

Như vậy, Tôn giả Koṇḍañña được tên là Añña Koṇḍañña (A-nhã Kiền-trần-như).

II. KINH NHƯ LAI (*Tathāgatasutta*) (S. V. 424)

1082. Thánh đế về Khổ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh. Thánh đế về Khổ cần phải liễu tri này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước đến nay Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ đã được liễu tri này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

Thánh đế về Khổ tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ tập đã được đoạn diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp... quang sanh.

Thánh đế về Khổ diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Khổ diệt đã được chứng ngộ này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh.

Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe... quang sanh. Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt đã được tu tập này, này các Tỷ-kheo, đối với các pháp từ trước Như Lai chưa từng được nghe, nhãn sanh, trí sanh, tuệ sanh, minh sanh, quang sanh.

III. KINH UẨN (*Khandhasutta*) (S. V. 425)

1083. Này các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế

về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ? Cần phải được nói là năm thủ uẩn. Tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ tập? Chính là ái này đưa đến tái sanh câu hữu với hỷ tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia. Tức là dục ái, hữu ái, phi hữu ái. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ tập.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ diệt? Chính là sự đoạn diệt, ly tham, không có dư tàn khát ái ấy, sự quảng bỏ, từ bỏ, giải thoát, không có chấp trước. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt? Đây là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Các pháp này, này các Tỷ-kheo, là các Thánh đế. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

IV. KINH NỘI XÚ (*Ajjhattikāyatana-sutta*)² (S. V. 426)

1084. Đây các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này... Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế về Khổ? Cần phải trả lời là sáu nội xứ. Thế nào là sáu? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Đây các Tỷ-kheo, đây gọi là Thánh đế về Khổ.

(Như kinh trên)...

V. KINH THỌ TRÌ THỨ NHẤT (*Paṭhamadhāraṇasutta*) (S. V. 426)

1085. Đây các Tỷ-kheo, hãy thọ trì Bốn Thánh đế do Ta đã thuyết giảng cho các ông.

Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con có thọ trì Bốn Thánh đế do Như Lai thuyết giảng.
- Này Tỷ-kheo, như thế nào, ông thọ trì Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng?

Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ là Thánh đế thứ nhất do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ tập là Thánh đế thứ hai do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ diệt là Thánh đế thứ ba do Thế Tôn thuyết

² Bản tiếng Anh của PTS: *Sphere of Sense*, nghĩa là Xứ (cảnh giới của căn).

giảng. Bạch Thế Tôn, con thọ trì Con đường đưa đến khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Thế Tôn thuyết giảng.

Như vậy, bạch Thế Tôn, con thọ trì Bốn Thánh đế do Như Lai thuyết giảng.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông thọ trì Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Này Tỷ-kheo, Khổ là Thánh đế thứ nhất do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì... Này Tỷ-kheo, Con đường đưa đến khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì như vậy Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VI. KINH THỌ TRÌ THỨ HAI (*Dutiyadhāraṇasutta*) (S. V. 427)

1086. (Như kinh trên)...

– Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ là Thánh đế thứ nhất do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: “Khổ này được Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ nhất. Tôi bác bỏ Khổ ấy là Thánh đế thứ nhất. Tôi sẽ tuyên bố một khổ khác là Thánh đế thứ nhất”; sự kiện như vậy không xảy ra.

Bạch Thế Tôn, con thọ trì Khổ tập là Thánh đế thứ hai... Khổ diệt là Thánh đế thứ ba... không xảy ra.

Bạch Thế Tôn, con thọ trì Con đường đưa đến khổ diệt là Thánh đế thứ tư do Thế Tôn thuyết giảng. Bạch Thế Tôn, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: “Con đường đưa đến khổ diệt này, được Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ tư. Tôi bác bỏ Con đường đưa đến khổ diệt ấy là Thánh đế thứ tư. Tôi sẽ tuyên bố một con đường đưa đến khổ diệt khác là Thánh đế thứ tư”; sự kiện này không xảy ra.

Bạch Thế Tôn, như vậy con thọ trì Bốn Thánh đế do Thế Tôn thuyết giảng.

– Lành thay, lành thay, này Tỷ-kheo! Lành thay, này Tỷ-kheo! Ông thọ trì Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Khổ, này Tỷ-kheo, là Thánh đế thứ nhất, do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì. Này Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: “Khổ này do Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ nhất. Tôi bác bỏ Khổ này là Thánh đế thứ nhất. Tôi sẽ tuyên bố một khổ khác là Thánh đế thứ nhất”; sự kiện như vậy không xảy ra... Khổ diệt Thánh đế... Con đường đưa đến khổ diệt, này Tỷ-kheo, là Thánh đế thứ tư do Ta thuyết giảng, hãy như vậy thọ trì. Này Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau: “Con đường đưa đến khổ diệt này do Sa-môn Gotama thuyết giảng không phải là Thánh đế thứ tư. Tôi bác bỏ Con đường đưa đến khổ diệt này là Thánh đế thứ tư. Tôi sẽ tuyên bố một con đường đưa đến khổ diệt khác là Thánh đế thứ tư”; sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì như vậy Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VII. KINH VÔ MINH (*Avijjāsutta*) (S. V. 429)

1087. Rồi một Tỷ-kheo... ngồi xuống một bên.

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– “Vô minh, vô minh”, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh? Và cho đến như thế nào là đi đến vô minh (*avijjāgato*)?

– Này Tỷ-kheo, chính là không rõ biết khổ, không rõ biết khổ tập, không rõ biết khổ diệt, không rõ biết con đường đưa đến khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đây gọi là vô minh. Cho đến như vậy là đi đến vô minh.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VIII. KINH MINH (*Vijjāsutta*) (S. V. 429)

1088. (Như kinh trên)...

Ngồi một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– “Minh, minh”, bạch Thế Tôn, được nói đến như vậy. Bạch Thế Tôn, thế nào là minh? Và cho đến như thế nào là đi đến minh?

– Này Tỷ-kheo, chính là rõ biết khổ, rõ biết khổ tập, rõ biết khổ diệt, rõ biết con đường đưa đến khổ diệt. Này Tỷ-kheo, đây gọi là minh. Cho đến như vậy là đi đến minh.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

IX. KINH THI THIẾT (*Saṅkāsanāsutta*) (S. V. 430)

1089. Đây là Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ (*vaṇṇā*), vô lượng văn (*byañjanā*), vô lượng thi thiết (*saṅkāsanā*). Đây là Thánh đế về Khổ.

Đây là Thánh đế về Khổ tập, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ, vô lượng văn, vô lượng thi thiết. Đây là Thánh đế về Khổ tập.

Đây là Thánh đế về Khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ, vô lượng văn, vô lượng thi thiết. Đây là Thánh đế về Khổ diệt.

Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đã được Ta trình bày. Ở đây có vô lượng chữ, vô lượng văn, vô lượng thi thiết. Đây là Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

X. KINH NHƯ THẬT (*Tathasutta*) (S. V. 430)

1090. Bốn pháp, này các Tỷ-kheo, là như thật, không ly như thật (*avitathāni*), không khác như thật (*anaññathāni*). Thế nào là bốn?

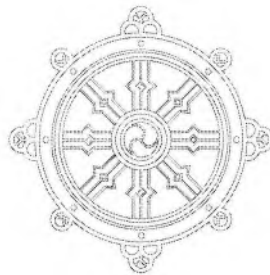
Đây là khổ, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

Đây là khổ tập, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

Đây là khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

Đây là con đường đưa đến khổ diệt, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật.

Bốn pháp này, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”



III. PHẨM KOṬIGĀMA (KOṬIGĀMAVAGGA)

I. KINH TẠI KOṬIGĀMA THỨ NHẤT (*Paṭhamakoṭigāmasutta*)³ (S. V. 431)

1091. Một thời, Thế Tôn trú giữa các dân chúng Vajjī, tại Koṭigāma. Tại đây, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, do không giác ngộ, do không thông đạt Bốn Thánh đế mà Ta và các ông lâu ngày phải giống ruồi, lưu chuyển như thế này. Thế nào là bốn?

Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Khổ, nay các Tỷ-kheo, nên Ta và các ông lâu ngày phải giống ruồi, lưu chuyển như thế này... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Do không giác ngộ, do không thông đạt Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, nay các Tỷ-kheo, nên Ta và các ông lâu ngày phải giống ruồi, lưu chuyển như thế này.

Nhưng nay, nay các Tỷ-kheo, Thánh đế về Khổ này đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Khổ tập đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt; Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt đã được giác ngộ, đã được thông đạt. Được chặt đứt là hữu ái, được đoạn tận là những gì đưa đến tái sanh (*bhavanetti*); nay không còn tái sanh nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Do không như thật thấy,
Bốn sự thật bậc Thánh,
Phải lâu ngày luân chuyển,
Trải qua nhiều đời sống.

Khi chúng được thấy rõ,
Mầm tái sanh nhỏ sạch,⁴
Gốc khổ được đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.

II. KINH TẠI KOṬIGĀMA THỨ HAI (*Dutiyakoṭigāmasutta*) (S. V. 431)

1092. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, nay các Tỷ-kheo, không như thật rõ biết: “Đây là khổ”, không như thật rõ biết: “Đây là khổ tập”, không như thật

³ Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS dịch: *Knowledge*, nghĩa là *Minh*.

⁴ Xem *D. II. 91; Vin. I. 231*.

rõ biết: “Đây là khổ diệt”, không như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy không được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, cũng không tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay của Bà-la-môn hạnh.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết: “Đây là khổ”, như thật rõ biết: “Đây là khổ tập”, như thật rõ biết: “Đây là khổ diệt”, như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, thời này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn ấy được Ta chấp nhận là Sa-môn trong các hàng Sa-môn, hay Bà-la-môn trong các hàng Bà-la-môn. Và các vị Tôn giả ấy, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú mục đích của Sa-môn hạnh hay của Bà-la-môn hạnh.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy... bậc Đạo Sư lại nói thêm:

Những ai không rõ biết,
Khổ và khổ tập khởi,
Không rõ như thế nào,
Khổ đoạn tận không dư,
Không biết con đường ấy,
Đưa đến chỉ tịnh khổ.
Những vị ấy không có
Tâm và Tuệ giải thoát,
Họ không thể chấm dứt,
Phải đi đến sanh già.

Những vị nào rõ biết,
Khổ và khổ tập khởi,
Và rõ như thế nào,
Khổ đoạn tận không dư,
Rõ biết con đường ấy
Đưa đến chỉ tịnh khổ.
Tâm giải thoát thành tựu,
Và các Tuệ giải thoát,
Họ có thể chấm dứt,
Không đi đến sanh già.

III. KINH CHÁNH ĐẲNG CHÁNH GIÁC (*Sammāsambuddhasutta*) (S. V. 433)

1093. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Có Bốn Thánh đế, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Này các Tỷ-kheo, do như thật chánh giác Bốn Thánh đế này, Như Lai được gọi là bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

IV. KINH BẬC A-LA-HÁN (*Arahantasutta*) (S. V. 433)

1094. Nhân duyên tại Sāvatthi.

– Những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác nào trong thời quá khứ, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy đã như thật chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế.

Những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác nào trong thời vị lai, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy sẽ như thật chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế.

Những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác nào trong thời hiện tại, này các Tỷ-kheo, thật sự là bậc Chánh Đẳng Giác; tất cả những vị ấy hiện đang chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn?

Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Những bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác nào trong thời quá khứ đã như thật chánh đẳng chánh giác... sẽ như thật chánh đẳng chánh giác, hiện như thật chánh đẳng chánh giác; tất cả những vị ấy... hiện đang chánh đẳng chánh giác Bốn Thánh đế.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

V. KINH ĐOẠN TẬN CÁC LẬU HOẶC (*Āsavakkhayasutta*) (S. V. 434)

1095. Với người biết, với người thấy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố các lậu hoặc được đoạn tận, không phải với người không biết, với người không thấy. Và do biết gì, do thấy gì, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận?

Do biết, do thấy: “Đây là khổ”, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận. Do biết, do thấy: “Đây là khổ tập.” ... “Đây là khổ diệt.” ... Do biết, do thấy: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, các lậu hoặc được đoạn tận.

Do biết vậy, do thấy vậy, này các Tỷ-kheo, các lậu hoặc được đoạn tận. Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VI. KINH THÂN HỮU (*Mittasutta*) (S. V. 434)

1096. Này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn, những ai mà các ông nghĩ cần nghe theo như bạn bè, hay thân hữu, hay bà con, hay huyết thống, thì này các Tỷ-kheo, các ông cần phải khích lệ những người ấy, huấn

luyện, an trú những người ấy trong sự chứng ngộ như thật Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Này các Tỷ-kheo, những ai mà các ông có lòng lân mẫn... như thật Bốn Thánh đế.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VII. KINH NHƯ THẬT (*Tathasutta*) (S. V. 435)

1097. Này các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, đây là như thật, không ly như thật, không khác như thật. Do vậy, chúng được gọi là Thánh đế.

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

VIII. KINH THỂ GIỚI (*Lokasutta*) (S. V. 435)

1098. Này các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Này các Tỷ-kheo, trong các thể giới, gồm có Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, và chúng Sa-môn, Bà-la-môn, Như Lai là bậc Thánh, do vậy được gọi là Thánh đế.

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

IX. KINH LIỄU TRI (*Pariññeyyasutta*) (S. V. 436)

1099. Này các Tỷ-kheo, có Bốn Thánh đế này. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ, Thánh đế về Khổ tập, Thánh đế về Khổ diệt, Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Trong Bốn Thánh đế này, này các Tỷ-kheo, có Thánh đế cần phải liễu tri, có Thánh đế cần phải đoạn tận, có Thánh đế cần phải chứng ngộ, có Thánh đế cần phải tu tập. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh đế cần phải liễu tri?

Thánh đế về Khổ, này các Tỷ-kheo, cần phải liễu tri. Thánh đế về Khổ tập cần phải đoạn tận. Thánh đế về Khổ diệt cần phải chứng ngộ. Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt cần phải tu tập.

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

X. KINH GAVAMPATI (*Gavampatisutta*) (S. V. 436)

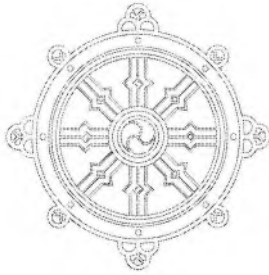
1100. Một thời, một số đông Tỷ-kheo trú ở giữa dân chúng Ceti,⁵ tại Sahañcanika.

⁵ Còn gọi là Ceta, Cetiya. Trong *BI*. 28f, Ceti có thể là nước Nepal ngày nay.

Lúc bấy giờ, một số đông Tỷ-kheo Thượng tọa ăn xong, sau khi đi trở về, ngồi tụ họp trong ngôi nhà tròn, câu chuyện sau đây được khởi lên: “Này chư Hiền, ai thấy khổ, người ấy cũng thấy khổ tập, cũng thấy khổ diệt, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt.”

Được nghe nói vậy, Tôn giả Gavampati⁶ nói với các Tỷ-kheo Thượng tọa:

– Tôi có tự thân nghe từ Thế Tôn, thừa chư Hiền, tự thân lãnh thọ như sau: “Này các Tỷ-kheo, ai thấy khổ, người ấy cũng thấy khổ tập, cũng thấy khổ diệt, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt. Ai thấy khổ tập, người ấy cũng thấy khổ, cũng thấy khổ diệt, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt. Ai thấy khổ diệt, người ấy cũng thấy khổ, cũng thấy khổ tập, cũng thấy con đường đưa đến khổ diệt. Ai thấy con đường đưa đến khổ diệt, người ấy cũng thấy khổ, cũng thấy khổ tập, cũng thấy khổ diệt.”



⁶ Con trai của một thương gia thành Ba-la-nại được Thế Tôn cho xuất gia khi Tăng đoàn mới thành lập.

IV. PHẨM RỪNG SĪSAPĀ (SĪSAPĀVANAVAGGA)⁷

I. KINH RỪNG SĪSAPĀ (*Sīsapāvanasutta*) (S. V. 437)

1101. Một thời, Thế Tôn trú ở Kosambī, tại rừng Sīsapā.

Rồi Thế Tôn lấy tay nhặt lên một ít lá Sīsapā, rồi bảo các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một số ít lá Sīsapā mà Ta nắm lấy trong tay, hay lá trong rừng Sīsapā?

– Thật là quá ít, bạch Thế Tôn, một ít lá Sīsapā mà Thế Tôn nắm lấy trong tay, và thật là quá nhiều lá trong rừng Sīsapā.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, thật là quá nhiều những gì Ta đã thắng tri mà không nói cho các ông! Thật là quá ít những gì mà Ta đã nói ra!

Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại không nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta không nói lên những điều ấy.

Và này các Tỷ-kheo, điều gì mà Ta nói? “Đây là khổ”, này các Tỷ-kheo, là điều Ta nói. “Đây là khổ tập”, là điều Ta nói. “Đây là khổ diệt”, là điều Ta nói. “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, là điều Ta nói.

Nhưng tại sao, này các Tỷ-kheo, Ta lại nói ra những điều ấy? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, những điều ấy liên hệ đến mục đích, là căn bản cho Phạm hạnh, đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy, Ta nói lên những điều ấy.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

II. KINH LÁ CÂY KEO (*Khadirapattasutta*)⁸ (S. V. 438)

1102. Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: “Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ tập, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ diệt, không có như thật giác ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chon chánh đoạn tận khổ đau”; sự kiện này không xảy ra.

⁷ Bản Tích Lan và PTS viết *Simsapā*.

⁸ Bản tiếng Anh của PTS: *The Acacia Tree*, nghĩa là *Cây keo*.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người nói như sau: “Với những lá cây keo, hay lá cây Palāsa hay lá cây Kha-lê-lặc (*Āmalaka*), tôi sẽ làm giỏ bằng lá để đem nước lại hay làm cái quạt”; sự kiện này không xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: “Không như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... không như thật giác ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chon chánh đoạn tận khổ đau”; sự kiện này không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói như sau: “Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chon chánh đoạn tận khổ đau”; sự kiện này có xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, có người nói như sau: “Với những lá sen hay lá Palāsa hay lá Mālūva (một loại cây leo), tôi sẽ làm các giỏ bằng lá để đem nước lại hay làm cái quạt”; sự kiện này có xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có ai nói như sau: “Sau khi như thật chứng ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... sau khi như thật chứng ngộ Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chon chánh đoạn tận khổ đau”; sự kiện này có xảy ra.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

III. KINH CÂY GẬY (*Dañḍasutta*)⁹ (S. V. 439)

1103. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây gậy được quăng lên hư không, khi thì rơi xuống đầu gốc, khi thì rơi xuống chạng giữa, khi thì rơi xuống đầu ngọn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh bị vô minh che lấp, bị khát ái trói buộc, giống ruồi, luân chuyển, khi thì đi từ thế giới này đến thế giới kia, khi thì đi từ thế giới kia đến thế giới này. Vì sao? Vì rằng không thấy Bốn Thánh đế.

Này các Tỷ-kheo, Bốn Thánh đế ấy là gì? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

IV. KINH KHĂN ĐẦU (*Celasutta*) (S. V. 440)

1104. – Này các Tỷ-kheo, khi khăn đầu hay đầu bị lửa cháy, thời phải làm gì?

– Bạch Thế Tôn, khi khăn đầu hay đầu bị lửa cháy, để dập tắt khăn đầu hay đầu bị lửa cháy cần phải có ước muốn tăng thượng (*chando*), tinh tấn (*vāyāmo*), cố gắng (*ussāho*), nỗ lực (*ussolhī*), không có thôi thối (*appaṭivānī*), chánh niệm và tỉnh giác.

– Bỏ qua đầu và khăn bị cháy, này các Tỷ-kheo, không có tác ý để như thật chứng ngộ Bốn Thánh đế, chưa được chứng ngộ, cần phải có ước muốn tăng thượng, tinh tấn, cố gắng, nỗ lực, không thôi thối, chánh niệm và tỉnh giác.

⁹ Xem S. II. 185.

Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

V. KINH MỘT TRĂM CÂY THƯƠNG (*Sattisatasutta*)¹⁰ (S. V. 440)

1105. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người tuổi thọ đến một trăm năm, mạng sống đến một trăm năm. Có người đến nói với người ấy: “Này ông, vào buổi sáng, ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Vào buổi trưa, ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Vào buổi chiều, ông sẽ bị đâm một trăm cây thương. Này ông, như vậy mỗi ngày ông bị đâm ba trăm cây thương, với tuổi thọ đến một trăm năm, với mạng sống đến một trăm năm. Sau một trăm năm, ông sẽ được giác ngộ Bốn Thánh đế trước kia chưa được giác ngộ.” Này các Tỷ-kheo, một thiện nam tử hiểu biết nghĩa lý (*atthavasikena*) có thể chấp nhận chăng? Vì sao?

Vô thi, này các Tỷ-kheo, là sự luân chuyển, khởi điểm không thể nêu rõ, đối với [những đau khổ] do bị thương đâm, do bị kiếm chém, do bị búa chặt. Dầu vậy đi chăng nữa, này các Tỷ-kheo, Ta cũng không tuyên bố rằng nhờ khổ và ưu mà Bốn Thánh đế được chứng ngộ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng nhờ lạc và hỷ mà Bốn Thánh đế được chứng ngộ. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

(Như kinh trên)...

VI. KINH SANH LOẠI (*Pāṇasutta*) (S. V. 441)

1106. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người trên cội Diêm-phù-đề này chặt cỏ, cây, cành, lá và chất thành một đồng. Chặt thành một đồng xong, vị ấy làm thành những cây gậy có vót nhọn (*sūlam*). Sau khi làm thành những cây gậy có vót nhọn, vị ấy đâm những sanh loại lớn trong biển lớn với những cây gậy có vót nhọn lớn; vị ấy đâm những sanh loại bậc trung trong biển lớn với những cây gậy có vót nhọn bậc trung; vị ấy đâm những sanh loại nhỏ trong biển lớn với những cây gậy có vót nhọn bậc nhỏ. Này các Tỷ-kheo, các sanh loại to lớn trong biển lớn không có thể cạn sạch hết. Dầu rằng tất cả cỏ, cây, cành, lá ở cội Diêm-phù-đề có thể đem ra dùng hết sạch. Nhưng còn nhiều hơn, này các Tỷ-kheo, là những sanh loại nhỏ trong biển lớn không dễ gì đâm chúng với các gậy có vót nhọn. Vì sao?

Này các Tỷ-kheo, vì cá thể (*attabhāvassa*) của chúng rất tế nhị. Lớn vậy, này các Tỷ-kheo, là đọa xứ. Và này các Tỷ-kheo, được thoát khỏi đọa xứ lớn ấy là người nào đã thành tựu chánh kiến, như thật rõ biết: “Đây là khổ.” ... như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

¹⁰ Bản tiếng Anh của PTS: *A Hundred Years*, nghĩa là *Một trăm năm*.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VII. KINH MẶT TRỜI THỨ NHẤT (*Paṭhamasūriyasutta*) (S. V. 442)

1107. Này các Tỷ-kheo, đây là điềm đi trước, đây là tướng báo trước mặt trời sắp mọc, tức là rạng đông. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đây là điềm đi trước, đây là tướng báo trước sự giác ngộ như thật Bốn Thánh đế, tức là chánh tri kiến...

Với Tỷ-kheo có chánh tri kiến này, này các Tỷ-kheo, chờ đợi là vị ấy sẽ rõ biết: “Đây là khổ”,... vị ấy sẽ rõ biết. “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).

VIII. KINH MẶT TRỜI THỨ HAI (*Dutiyasūriyasutta*) (S. V. 442)

1108. Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời không hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, không có ánh sáng lớn, hào quang lớn hiện hữu. Khi ấy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám, không thể phân biệt đêm và ngày, không thể phân biệt tháng và nửa tháng, không thể phân biệt thời tiết hằng năm.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, mặt trăng, mặt trời hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn hiện hữu. Khi ấy không có đêm tối, không có u ám, có sự phân biệt đêm và ngày, có sự phân biệt tháng và nửa tháng, có sự phân biệt thời tiết hằng năm.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, cho đến khi nào Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác không hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, không có ánh sáng lớn, không có hào quang lớn. Khi ấy chỉ có đêm tối, chỉ có u ám. Cho đến khi ấy, không có sự tuyên bố, không có sự thuyết giảng, không có sự trình bày, không có sự thiết lập, không có sự khai diễn, không có sự phân tích, không có sự hiển thị Bốn Thánh đế.

Cho đến khi nào, này các Tỷ-kheo, Như Lai, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác hiện ra ở đời, cho đến khi ấy, có ánh sáng lớn, có hào quang lớn. Khi ấy không có đêm tối, không có u ám. Cho đến khi ấy, có sự tuyên bố, có sự thuyết giảng, có sự trình bày, có sự thiết lập, có sự khai diễn, có sự phân tích, có sự hiển thị Bốn Thánh đế.

Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một sự cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

IX. KINH CỘT TRỤ (*Indakhīlasutta*) (S. V. 443)

1109. Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, không như thật

rõ biết: “Đây là khô”,... không như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Họ ngược nhìn mặt (*ullokenti*) một Sa-môn hay Bà-la-môn khác và nhận xét: “Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy.”

Ví như, này các Tỷ-kheo, một hột bông hay một hột bông Kappāsa bị gió nhẹ thổi lên, rơi xuống đất bằng, và gió phía Đông thổi nó qua phía Tây; gió phía Tây thổi nó qua phía Đông; gió phía Bắc thổi nó qua phía Nam; gió phía Nam thổi nó qua phía Bắc. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì hột bông Kappāsa rất nhẹ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết: “Đây là khô”,... không như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Họ ngược nhìn mặt một Sa-môn hay Bà-la-môn khác và nhận xét: “Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy.” Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không chánh kiến Bốn Thánh đế.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: “Đây là khô”,... như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Họ không ngược nhìn mặt một Sa-môn hay Bà-la-môn khác và nhận xét: “Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy.”

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây cột sắt hay cây cột trụ, bàn tọa được đóng sâu (*gambhīranemo*), khéo chôn sâu, bất động, không có lay chuyển; nếu từ phương Đông có gió và mưa lớn đến, cột trụ ấy không rung chuyển, không lay chuyển, không động chuyển... nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có gió và mưa lớn đến, cột trụ ấy không rung chuyển, không lay chuyển, không động chuyển. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì bàn tọa được đóng sâu, khéo chôn sâu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: “Đây là khô”,... như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, họ không ngược nhìn mặt một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác và nhận xét: “Vị Tôn giả này biết điều đáng biết, thấy điều đáng thấy.” Vì sao? Vì Bốn Thánh đế được khéo thấy, này các Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

(Như kinh trên)...

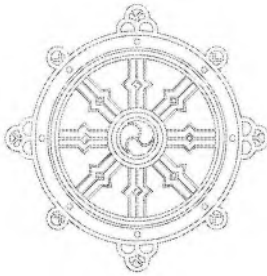
X. KINH TRANH LUẬN (*Vādatthikasutta*) (S. V. 445)

1110. Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, như thật rõ biết: “Đây là khô”,... như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Nếu từ phương Đông có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, tầm cầu tranh luận, nói rằng: “Ta sẽ tranh luận”, người này có thể làm rung chuyển, làm lay chuyển, làm động chuyển Tỷ-kheo ấy một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, tầm cầu tranh luận, nói rằng: “Ta sẽ tranh luận”; người này có thể làm rung chuyển, làm lay chuyển, làm động chuyển Tỷ-kheo ấy một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một cột đá dài đến mười sáu khuỷu tay, tám khuỷu tay được chôn dưới đất từ bàn tọa và tám khuỷu tay ở phía trên. Nếu từ phương Đông có gió và mưa lớn đến, không thể làm cột đá ấy rung chuyển, lay chuyển, động chuyển, nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có gió và mưa lớn đến, không thể làm cho cột đá ấy rung chuyển, lay chuyển, động chuyển. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì bàn tọa cột trụ được đóng sâu, khéo chôn sâu.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo nào như thật rõ biết: “Đây là khổ.”... như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Nếu từ phương Đông có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, tầm câu tranh luận, nói rằng: “Ta sẽ tranh luận”, vị ấy có thể làm cho Tỷ-kheo kia rung chuyển, lay chuyển, động chuyển một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Nếu từ phương Tây... nếu từ phương Bắc... nếu từ phương Nam có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào đến, ưa thích tranh luận, tầm câu tranh luận, nói rằng: “Ta sẽ tranh luận”, vị ấy có thể làm cho Tỷ-kheo kia rung chuyển, lay chuyển, động chuyển một cách đúng pháp; sự kiện này không xảy ra. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì Bốn Thánh đế đã được khéo thấy. Thế nào là bốn?

(Như kinh 1109 ở trên)...



V. PHẨM VỰC THẨM (*PAPĀTAVAGGA*)

I. KINH SUY TƯ VỀ THẾ GIỚI (*Lokacintāsaṭṭa*) (S. V. 446)

1111. Một thời, Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc.

Tại đây, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

– Thuở trước, này các Tỷ-kheo, một người đi ra khỏi Vương Xá, nghĩ rằng: “Ta sẽ suy tư về thế giới”, và người ấy đi đến hồ sen Sumāgadhā; sau khi đến, ngồi trên bờ hồ Sumāgadhā và suy tư về thế giới.

Này các Tỷ-kheo, người ấy ngồi trên bờ hồ Sumāgadhā thấy một đoàn quân với bốn loại binh chủng (voi, ngựa, xe, bộ binh) đi vào trong một củ sen. Thấy vậy, người ấy nghĩ: “Có lẽ ta phát cuồng! Có lẽ ta điên loạn! Nay ta thấy một điều không thể có ở đời.”

Rồi người ấy, này Tỷ-kheo, đi vào trong thành và nói với một quần chúng lớn:

“Này quý vị, có lẽ ta phát cuồng; này quý vị, có lẽ ta điên loạn. Nay ta thấy một điều không thể có ở đời!”

“Như thế nào, này bạn, bạn phát cuồng? Như thế nào, bạn điên loạn? Bạn đã thấy gì không thể có ở đời?”

“Thưa quý vị, tôi đi ra khỏi Vương Xá, nghĩ rằng: ‘Tôi sẽ suy tư về thế giới.’ Tôi đi đến hồ sen Sumāgadhā; sau khi đến, ngồi trên bờ hồ Sumāgadhā, suy tư về thế giới. Thưa quý vị, tôi thấy trên bờ hồ Sumāgadhā một đoàn quân với bốn loại binh chủng đi vào trong một củ sen. Thấy vậy, thưa quý vị, tôi nghĩ: ‘Có lẽ ta phát cuồng! Có lẽ ta điên loạn! Nay ta thấy một điều không thể có ở đời!’”

“Thật vậy, này bạn, bạn đã phát cuồng. Thật vậy, bạn bị điên loạn. Bạn đã thấy một điều không thể có ở đời!”

Này các Tỷ-kheo, điều mà người ấy đã thấy là có thật, không phải không thật. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, chư thiên và loài asura (a-tu-la) dàn trận để khai chiến. Và này các Tỷ-kheo, trong trận chiến ấy, chư thiên thắng trận, các asura bại trận. Các asura bại trận, này các Tỷ-kheo, hoảng hốt đi vào thành asura ngang qua củ sen vì quá sợ hãi chư thiên.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, chớ có suy tư về thế giới: “Thế giới là thường còn”, hay: “Thế giới là vô thường”, hay: “Thế giới là hữu biên”, hay: “Thế giới là vô biên”, hay: “Mạng sống và thân thể là một”, hay: “Mạng sống và thân

thể là khác”, hay: “Như Lai có tồn tại sau khi chết”, hay: “Như Lai không tồn tại sau khi chết”, hay: “Như Lai có tồn tại và không tồn tại sau khi chết”, hay: “Như Lai không tồn tại và không không tồn tại sau khi chết.” Vì sao?

Các điều suy tư ấy, này các Tỷ-kheo, không liên hệ đến mục đích, không phải là căn bản cho Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Nếu có suy tư, này các Tỷ-kheo, các ông hãy suy tư: “Đây là khổ.” ... “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Vì sao?

Các suy tư như vậy, này các Tỷ-kheo, liên hệ đến mục đích, các suy tư ấy làm căn bản cho Phạm hạnh, các suy tư ấy đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

II. KINH VỰC THẨM (*Papātasutta*) (S. V. 448)

1112. Một thời, Thế Tôn ở tại Rājagaha (Vương Xá), trên Gijjhakūṭa (núi Linh Thứu).

Rồi Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo, chúng ta hãy đi đến Paṭibhānakūṭa để nghỉ trưa!

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn cùng số đông Tỷ-kheo đi đến Paṭibhānakūṭa. Một Tỷ-kheo thấy một vực thẳm ở Paṭibhānakūṭa, thấy vậy, liền bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật là lớn, vực thẳm này! Bạch Thế Tôn, thật là đáng sợ hãi, vực thẳm này! Bạch Thế Tôn, không biết có vực thẳm nào khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này?

– Này các Tỷ-kheo, có vực thẳm khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này.

– Bạch Thế Tôn, thế nào là vực thẳm khác lớn hơn và đáng sợ hãi hơn vực thẳm này?

– Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào không như thật rõ biết: “Đây là khổ”,... không như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.” Họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh; họ hoan hỷ với các hành đưa đến già; họ hoan hỷ với các hành đưa đến chết; họ hoan hỷ với các hành đưa đến sâu, bi, khổ, ưu, não. Vì họ hoan hỷ với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sâu, bi, khổ, ưu, não; họ tạo dựng các hành đưa đến sanh; họ tạo dựng các hành đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sâu, bi, khổ, ưu, não. Do họ tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sâu, bi, khổ, ưu, não; nên họ rơi vào vực thẳm sanh; họ rơi vào vực

thăm già; họ rơi vào vực thăm chết; họ rơi vào vực thăm sâu, bi, khổ, ưu, não. Họ không liễu thoát khỏi sanh, khỏi già, khỏi chết, khỏi sâu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, họ không liễu thoát khỏi đau khổ.

Và này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào như thật rõ biết: “Đây là khổ”,... như thật rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt”, họ không hoan hỷ với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sâu, bi, khổ, ưu, não. Vì họ không hoan hỷ với các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sâu, bi, khổ, ưu, não; họ không tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sâu, bi, khổ, ưu, não. Do họ không tạo dựng các hành đưa đến sanh... đưa đến già... đưa đến chết... đưa đến sâu, bi, khổ, ưu, não; họ không rơi vào vực thăm sanh; họ không rơi vào vực thăm già; họ không rơi vào vực thăm chết; họ không rơi vào vực thăm sâu, bi, khổ, ưu, não. Họ liễu thoát khỏi sanh; khỏi già; khỏi chết; khỏi sâu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng, họ liễu thoát khỏi đau khổ.

Do vậy, này Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

III. KINH ĐẠI NHIỆT NÃO (*Mahāpariḷāhasutta*) (S. V. 450)

1113. – Này các Tỷ-kheo, có một địa ngục tên là Đại Nhiệt Não, tại đây, con mắt có thấy sắc gì; chỉ thấy bất khả lạc sắc, không phải khả lạc sắc; chỉ thấy bất khả hỷ sắc, không phải khả hỷ sắc; chỉ thấy bất khả ý sắc, không phải khả ý sắc. Tai có nghe tiếng gì... Mũi có ngửi hương gì... Lưỡi có nếm vị gì... Thân có cảm xúc gì... Ý có nhận thức pháp gì; chỉ nhận thức bất khả lạc pháp, không phải khả lạc pháp; chỉ nhận thức bất khả hỷ pháp, không phải khả hỷ pháp; chỉ nhận thức bất khả ý pháp, không phải khả ý pháp.

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, thật lớn thay nhiệt não ấy! Bạch Thế Tôn, thật khéo to lớn thay nhiệt não ấy! Bạch Thế Tôn, không biết có nhiệt não nào khác nữa còn lớn hơn và đáng sợ hãi hơn nhiệt não ấy?

– Này Tỷ-kheo, có nhiệt não khác còn lớn hơn, và đáng sợ hãi hơn nhiệt não ấy.

– Bạch Thế Tôn, nhiệt não khác ấy như thế nào còn lớn hơn, và đáng sợ hãi hơn nhiệt não ấy?

(Như kinh trên với những thay đổi cần thiết khác. Kinh trên viết: “Họ rơi vào vực thăm sanh; vực thăm già; vực thăm chết; vực thăm sâu, bi, khổ, ưu, não.” Còn kinh này viết: “Họ bị đốt cháy trong nhiệt não sanh... già... chết... sâu, bi, khổ, ưu, não.”)

IV. KINH NGÔI NHÀ CÓ NÓC NHỌN (*Kūṭāgārasutta*) (S. V. 452)

1114. Này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: “Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Thánh đế về Con

đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau”, sự kiện này không xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: “Không xây dựng tầng dưới của ngôi nhà có nóc nhọn, tôi sẽ xây dựng tầng trên của ngôi nhà”, sự kiện này không xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: “Không có như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau”, sự kiện này không xảy ra.

Nhưng, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: “Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Khổ tập... Thánh đế về Khổ diệt... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ chơn chánh đoạn tận khổ đau”, sự kiện này có xảy ra.

Ví như, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: “Sau khi xây dựng tầng dưới của ngôi nhà có nóc nhọn, tôi sẽ xây dựng tầng trên của ngôi nhà”, sự kiện này có xảy ra. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ai nói như sau: “Sau khi như thật giác ngộ Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt, ta sẽ đoạn tận khổ đau”, sự kiện này có xảy ra.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

V. KINH LÔNG ĐUÔI (*Vālasutta*)¹¹ (S. V. 453)

1115. Một thời, Thế Tôn trú ở Vesālī, Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Rồi Tôn giả Ānanda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát vào thành Vesālī để khát thực. Tôn giả Ānanda thấy một số đông thiếu niên người Licchavi trong hội trường tập bắn cung, từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào.

Thấy vậy, Tôn giả suy nghĩ: “Thật có tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Thật khéo tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Vì rằng, từ xa họ bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này nối tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào.”

Rồi Tôn giả Ānanda, sau khi khát thực ở Vesālī xong, sau bữa ăn, trên con đường trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi vào Vesālī để khát thực. Bạch Thế Tôn, con thấy rất nhiều thiếu niên Licchavi trong hội trường tập bắn cung, từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào. Thấy vậy, con nghĩ như sau: “Thật có tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Thật khéo tập luyện, các thiếu niên Licchavi này! Vì rằng, từ xa họ bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này nối tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào.”

¹¹ Bản tiếng Anh của PTS: *The Keyhole*, nghĩa là *Lỗ khóa*.

– Ông nghĩ thế nào, này Ānanda, cái gì khó làm hơn hay cái gì khó đạt đến (*durabhisambhavataram*), từ xa bắn xuyên qua lỗ khóa nhỏ, từ lông đuôi mũi tên này nối tiếp lông đuôi mũi tên khác, không sai trượt lần nào; hay bắn xuyên đầu một sợi lông được chia nhỏ một trăm lần?

– Việc này khó làm hơn, bạch Thế Tôn, khó đạt đến hơn, tức là bắn xuyên đầu một sợi lông được chia nhỏ một trăm lần.

– Cũng vậy, này Ānanda, đâm xuyên ngang qua một cái gì khó đâm xuyên hơn là những ai như thật đâm xuyên qua: “Đây là khổ.” ... như thật đâm xuyên qua: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

Do vậy, này Ānanda, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VI. KINH TỐI TẮM (*Andhakārasutta*) (S. V. 454)

1116. – Có một hắc ám giữa các thế giới không có trần che, tạo ra tối tăm, tạo ra hắc ám; ở đây ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, những vật có đại thần lực như vậy, có đại uy lực như vậy cũng không hiện ra.

Được nghe nói như vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Thật là to lớn, bạch Thế Tôn, tối tăm ấy! Thật là to lớn, bạch Thế Tôn, tối tăm ấy! Bạch Thế Tôn, có một tối tăm nào khác, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm ấy?

– Này Tỷ-kheo, có một tối tăm khác, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm ấy.

– Bạch Thế Tôn, sự tối tăm khác ấy là gì, còn to lớn hơn, còn đáng sợ hãi hơn tối tăm ấy?

(Như kinh 1112, chỉ thay vào: “Họ rơi vào tối tăm sanh; tối tăm già; tối tăm chết; tối tăm sâu, bi, khổ, ưu, não”).

VII. KINH CÁI LỖ CỦA CÁI ÁCH THỨ NHẤT (*Paṭhamachiggaḷayugasutta*) (S. V. 455)

1117. – Ví như, này các Tỷ-kheo, một người quăng một khúc gỗ có một lỗ hồng vào biển lớn. Tại đây có con rùa mù, sau mỗi trăm năm nổi lên một lần.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, con rùa mù ấy sau mỗi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào khúc gỗ có một lỗ hồng hay không?

– Năm khi mười họa may ra có thể được, bạch Thế Tôn, sau một thời gian dài.

– Ta tuyên bố rằng còn mau hơn, này các Tỷ-kheo, là con rùa mù ấy, sau mỗi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào khúc gỗ có một lỗ hồng ấy; còn hơn kê ngu, khi một lần đã rơi vào đọa xứ để được làm người trở lại. Vì sao?

Vì rằng ở đây không có pháp hành, chánh hành, thiện nghiệp, phước nghiệp. Ở đây, này các Tỷ-kheo, chỉ có ăn thịt lẫn nhau, và chỉ có người yếu bị ăn thịt. Vì sao?

Vì không thấy được Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

VIII. KINH CÁI LỖ CỦA CÁI ÁCH THỨ HAI

(Dutiyachiggaḷayugasutta) (S. V. 456)

1118. – Ví như, này các Tỷ-kheo, quả đất lớn này chỉ toàn một bãi nước và một người đến ném xuống đấy một khúc cây có một lỗ hồng. Rồi gió phương Đông thổi nó trôi về phương Tây; gió phương Tây thổi nó trôi về phương Đông; gió phương Bắc thổi nó trôi về phương Nam; gió phương Nam thổi nó trôi về phương Bắc. Tại đấy, một con rùa mù cứ mỗi trăm năm nổi lên một lần.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, con rùa mù ấy sau mỗi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào trong khúc cây có một lỗ hồng hay không?

– Thật khó được vậy, bạch Thế Tôn, con rùa mù ấy, sau mỗi trăm năm nổi lên một lần, có thể chui cổ vào trong khúc cây có một lỗ hồng ấy!

– Thật khó được vậy, này các Tỷ-kheo, là được làm người! Thật khó được vậy, này các Tỷ-kheo, là Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Thật khó được vậy, này các Tỷ-kheo, là Pháp và Luật này do Như Lai thuyết giảng chiếu sáng trên đời.

Nhưng nay, này các Tỷ-kheo, các ông đã được làm người, và Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Chánh Giác. Pháp và Luật được Như Lai thuyết giảng chói sáng ở đời.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm... (xem kinh trên).

IX. KINH VUA NÚI SENERU THỨ NHẤT

*(Paṭhamasinerupabbatarājasutta)*¹² (S. V. 457)

1119. – Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đặt trên núi Sineru, vua các loài núi, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy hay vua núi Sineru?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua núi Sineru. Rất ít là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được đặt như vậy, chúng không có thể ước tính được, chúng không có thể so sánh được, chúng không có thể thành một phần nhỏ được, khi đem đặt các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu so sánh với vua núi Sineru.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này. Rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể

¹² Tên kinh này và kinh kế tiếp trong bản tiếng Anh của PTS viết: *Sineru*, tức núi Tu-di.

so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: “Đây là khổ.” ... đã rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

X. KINH VUA NÚI SINERU THỨ HAI (*Dutiyasinerupabbatarājasutta*) (S. V. 458)

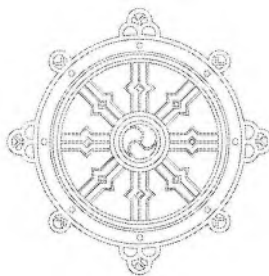
1120. – Ví như, này các Tỷ-kheo, vua núi Sineru đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, vua núi Sineru ấy đi đến đoạn tận, đi đến tiêu mòn hay các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu còn tồn tại?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua núi Sineru đi đến đoạn tận, đi đến tiêu mòn. Và ít hơn là các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu được còn lại, không thể đem ước tính, không thể đem so sánh và không thể bằng một phần nhỏ, nếu so sánh các viên sạn lớn bằng bảy hạt đậu còn lại với vua núi Sineru đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu mòn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng ngộ, cái này là nhiều hơn, tức là sự khổ đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn này; và rất ít là khổ còn tồn tại, không có thể ước tính, không có thể so sánh, không có thể thành một phần nhỏ, nếu so sánh với khổ trước đã được đoạn tận, đã được tiêu mòn, tức là trong thời gian tối đa là bảy lần đối với người đã rõ biết: “Đây là khổ.” ... đã rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

Do vậy, này các Tỷ-kheo... (như kinh trên).



VI. PHẨM CHỨNG ĐẠT (*ABHISAMAYAVAGGA*)

I. KINH ĐẦU MÓNG TAY (*Nakhasikhasutta*) (S. V. 459)

1121. Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy ở đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất lớn này, và ít hơn là một ít đất mà Thế Tôn lấy ở đầu móng tay. Chúng không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thế Tôn lấy lên đầu móng tay.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử thành tựu chánh kiến, với người đã chứng đạt, cái này là nhiều hơn... (như kinh 1119).

II. KINH AO HỒ (*Pokkharāṇīsutta*) (S. V. 460)

1122. – Ví như, này các Tỷ-kheo, có một hồ nước bề dài năm mươi do-tuần, bề rộng năm mươi do-tuần, bề sâu năm mươi do-tuần, đầy nước tràn trên bờ để con quạ có thể uống được. Từ nơi hồ nước ấy, có người lấy lên một ít nước trên đầu ngọn cỏ kusa.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, một ít nước lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa, hay là nước trong hồ nước?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước trong hồ nước, và ít hơn là nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước ở hồ nước với nước được lấy lên trên đầu ngọn cỏ kusa.

(Như kinh 1120)...

III. KINH HỢP DÒNG THỨ NHẤT (*Paṭhamasambhejjasutta*) (S. V. 460)

1123. – Ví như, này các Tỷ-kheo, tại chỗ mà các con sông lớn này nhập vào nhau, cùng chảy với nhau, tức là sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, từ đấy, một người lấy lên hai hay ba giọt nước.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên, hay là nước ở chỗ hợp dòng?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước ở chỗ hợp dòng; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên. Chúng không thể ước tính được,

không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước ở chỗ hợp dòng với hai hay ba giọt nước được lấy lên.

... Cũng vậy... (như kinh trên).

IV. KINH HỢP DÒNG THỨ HAI (*Dutiyasaṃbhejjasutta*) (S. V. 461)

1124. – Ví như, này các Tỷ-kheo, tại chỗ mà các con sông lớn này nhập vào nhau, cùng chảy với nhau, tức là sông Hằng, sông Yamunā, sông Aciravatī, sông Sarabhū, sông Mahī, nước sông ấy đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại hai hay ba giọt nước còn sót lại.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, hay là hai hay ba giọt nước còn sót lại?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước chỗ hợp dòng đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt với hai hay ba giọt nước còn sót lại.

(Như kinh trên)...

V. KINH QUẢ ĐẤT LỚN THỨ NHẤT (*Paṭhamamahāpathavīsutta*) (S. V. 462)

1125. – Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đặt trên quả đất lớn các cục đất lớn bằng bảy hạt tảo (*satta kolaṭṭhimattiyo*).

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, các cục đất lớn bằng bảy hạt tảo đã được đặt lên như vậy, hay là quả đất này?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất này; còn ít hơn là các cục đất lớn bằng bảy hạt tảo đã được đặt lên như vậy. Chúng không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể bằng một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn này với các cục đất lớn bằng bảy hạt tảo được đặt lên như vậy.

(Như kinh trên)...

VI. KINH QUẢ ĐẤT LỚN THỨ HAI (*Dutiyamahāpathavīsutta*) (S. V. 462)

1126. – Ví như, này các Tỷ-kheo, quả đất đi đến đoạn tận, đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại những cục đất lớn bằng bảy hạt tảo.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, quả đất lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, hay là các cục đất lớn bằng bảy hạt tảo còn sót lại?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là các cục đất lớn bằng bảy hạt tảo còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể

thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt với các cục đất lớn bằng bảy hạt táo còn sót lại.

(Như kinh trên)...

VII. KINH BIỂN LỚN THỨ NHẤT

(Paṭhamamahāsamuddasutta) (S. V. 463)

1127. – Ví như, này các Tỷ-kheo, một người lấy lên hai hay ba giọt nước từ biển lớn.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, hai hay ba giọt nước được lấy lên, hay là nước trong biển lớn?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước trong biển lớn; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước được lấy lên. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước trong biển lớn với hai hay ba giọt nước được lấy lên.

(Như kinh trên)...

VIII. KINH BIỂN LỚN THỨ HAI *(Dutiyamahāsamuddasutta)* (S. V. 463)

1128. – Ví như, này các Tỷ-kheo, nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại hai hay ba giọt nước còn sót lại.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái gì là nhiều hơn, nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, hay là hai hay ba giọt nước còn sót lại?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là hai hay ba giọt nước còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh nước trong biển lớn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, với hai hay ba giọt nước còn sót lại.

(Như kinh trên)...

IX. KINH VÍ DỤ VỚI NÚI THỨ NHẤT

(Paṭhamapabbatūpamasutta) (S. V. 464)

1129. – Ví như, này các Tỷ-kheo, có người đặt trên vua Tuyết sơn các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải được đặt lên như vậy, hay là vua Tuyết sơn?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua Tuyết sơn; còn ít hơn là những hòn sạn lớn bằng bảy hột cải được đặt lên như vậy. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh vua Tuyết sơn với các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải.

(Như kinh trên)...

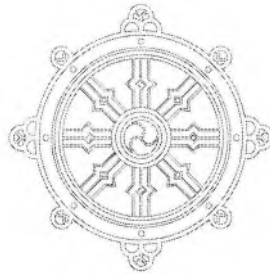
X. KINH VÍ DỤ VỚI NÚI THỨ HAI (*Dutiyapabbatūpamasutta*) (S. V. 464)

1130. – Ví như, này các Tỷ-kheo, vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, chỉ còn lại các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải.

Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt, hay là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt; còn ít hơn là các hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh vua Tuyết sơn đã đi đến đoạn tận, đã đi đến tiêu diệt với hòn sạn lớn bằng bảy hột cải còn sót lại.

(Như kinh trên)...



VII. PHẨM LÚA GẠO SÔNG LƯỢC THUYẾT THỨ NHẤT (*PAṬHAMĀMAKADHANÑAPEYYĀLAVAGGA*)¹³

I. KINH NƠI KHÁC (*Aññatrasutta*) (S. V. 465)

1131. Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy lên trên đầu móng tay, hay là quả đất lớn này?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất lớn này; còn ít hơn là một ít đất Thế Tôn lấy lên trên đầu móng tay. Chúng không có thể ước tính được, không có thể so sánh được, không có thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất được Thế Tôn lấy lên trên đầu ngón tay.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là những chúng sanh được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là những chúng sanh bị tái sanh ra khỏi loài người. Vì sao?

Này các Tỷ-kheo, vì không thấy Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

II. KINH BIÊN ĐỊA (*Paccantasutta*) (S. V. 466)

1132. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh được tái sanh vào trung tâm các quốc độ; còn nhiều hơn là các chúng sanh bị tái sanh vào các biên địa, giữa những man di vô ý thức. Vì sao?

(Như kinh trên)...

III. KINH TRÍ TUỆ (*Paññāsutta*) (S. V. 466)

1133. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh thành tựu tuệ nhãn của bậc Thánh; còn nhiều hơn là các chúng sanh đi đến vô minh, si ám. Vì sao?

(Như kinh trên)...

¹³ Bản tiếng Anh của PTS: *Cyclic Repetition*, nghĩa là *Bánh xe trùng thuyết*.

IV. KINH RƯỢU (*Surāmerayasutta*)¹⁴ (S. V. 466)

1134. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đắm say rượu men rượu nẫu. Vì sao?

(Như kinh trên)...

V. KINH SANH Ở NƯỚC (*Odakasutta*) (S. V. 467)

1135. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh được sanh trên đất liền (*thalajā*); còn nhiều hơn là các chúng sanh được sanh ra trong nước. Vì sao?

(Như kinh trên)...

VI. KINH HIẾU KÍNH MẸ (*Matteyyasutta*) (S. V. 467)

1136. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với mẹ; còn nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với mẹ.

(Như kinh trên)...

VII. KINH HIẾU KÍNH CHA (*Petteyyasutta*) (S. V. 467)

1137. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh có hiếu kính với cha; còn nhiều hơn là các chúng sanh không hiếu kính với cha.

(Như kinh trên)...

VIII. KINH SA-MÔN (*Sāmaññasutta*)¹⁵ (S. V. 468)

1138. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh kính trọng các hàng Sa-môn; còn nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các hàng Sa-môn.

(Như kinh trên)...

IX. KINH BÀ-LA-MÔN (*Brahmaññasutta*)¹⁶ (S. V. 468)

1139. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh kính trọng các hàng Bà-la-môn; còn nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các hàng Bà-la-môn.

(Như kinh trên)...

¹⁴ Bản tiếng Anh của PTS: *Intoxicating Liquor*, nghĩa là *Rượu lên men làm say*.

¹⁵ Bản tiếng Anh của PTS: *Reverent to Recluses*, nghĩa là *Kính trọng Sa-môn*.

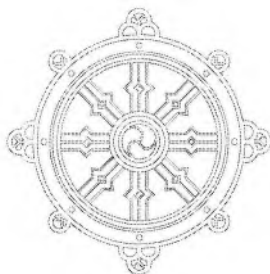
¹⁶ Bản tiếng Anh của PTS: *Reverent to Brahmins*, nghĩa là *Kính trọng Bà-la-môn*.

X. KÍNH KÍNH TRỌNG CÁC BẬC LỚN TUỔI (*Pacāyikasutta*) (S. V. 468)

1140. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh kính trọng các bậc lớn tuổi trong gia tộc; còn nhiều hơn là các chúng sanh không kính trọng các bậc lớn tuổi trong gia tộc.

(Như kinh trên)...



VIII. PHẨM LÚA GẠO SỐNG LƯỢC THUYẾT THỨ HAI (*DUTIYAĀMAKADHAÑÑAPEYYĀLAVAGGA*)¹⁷

I. KINH SÁT SANH (*Pāṇātipātasutta*)¹⁸ (S. V. 468)

1141. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ sát sanh; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ sát sanh. Vì sao?

(Như kinh trên)...

II. KINH LẤY CỦA KHÔNG CHO (*Adinnādānasutta*) (S. V. 468)

1142. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ lấy của không cho; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ lấy của không cho. Vì sao?

(Như kinh trên)...

III. KINH TÀ HẠNH TRONG CÁC DỤC (*Kāmesumicchācārasutta*) (S. V. 468)

1143. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ tà hạnh trong các dục; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ tà hạnh trong các dục. Vì sao?

(Như kinh trên)...

IV. KINH NÓI LÁO (*Musāvādasutta*) (S. V. 468)

1144. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói láo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói láo. Vì sao?

(Như kinh trên)...

V. KINH NÓI LỜI LY GIÁN (*Pesunñasutta*) (S. V. 469)

1145. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời ly gián; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời ly gián. Vì sao?

¹⁷ Bản tiếng Anh của PTS: *Few Abstain*, nghĩa là *Ít người từ bỏ*.

¹⁸ Bản tiếng Anh của PTS: *Life*, nghĩa là *Sự sống*.

(Như kinh trên)...

VI. KINH NÓI LỜI THÔ ÁC (*Pharusavācāsutta*) (S. V. 469)

1146. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời thô ác; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời thô ác. Vì sao?

(Như kinh trên)...

VII. KINH NÓI LỜI PHÙ PHIÊM (*Samphappalāpasutta*) (S. V. 469)

1147. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nói lời phù phiếm; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nói lời phù phiếm. Vì sao?

(Như kinh trên)...

VIII. KINH HỘT GIỐNG (*Bhijagāmasutta*) (S. V. 470)

1148. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ làm hại các hộ giống và các loại cây cỏ; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ làm hại các hộ giống và các cây cỏ. Vì sao?

(Như kinh trên)...

IX. KINH ĂN PHI THỜI (*Vikālabhojanasutta*) (S. V. 470)

1149. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ ăn phi thời; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ ăn phi thời. Vì sao?

(Như kinh trên)...

X. KINH HUƠNG LIỆU (*Gandhavilepanasutta*) (S. V. 470)

1150. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, các đồ trang sức để mang, để đeo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, các đồ trang sức để mang, để đeo. Vì sao?

(Như kinh trên)...

IX. PHẨM LÚA GẠO SÔNG LƯỢC THUYẾT THỨ BA (*TATIYAĀMAKADHAÑÑAPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH MÚA HÁT (*Naccagītasutta*) (S. V. 471)

1151. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ đi xem múa, hát, nhạc, diễn kịch.

(Như kinh trên)...

II. KINH GIƯỜNG CAO (*Uccāsāyanasutta*) (S. V. 471)

1152. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các giường cao, các giường lớn; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các giường cao, các giường lớn.

(Như kinh trên)...

III. KINH VÀNG BẠC (*Jātarūparajatasutta*) (S. V. 471)

1153. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận vàng và bạc; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận vàng và bạc.

(Như kinh trên)...

IV. KINH LÚA GẠO SÔNG (*Āmakadhaññasutta*) (S. V. 471)

1154. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận các lúa gạo sông; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các lúa gạo sông.

(Như kinh trên)...

V. KINH THỊT SỐNG (*Āmakamaṃsasutta*) (S. V. 471)

1155. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận các thịt sống; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các thịt sống.

(Như kinh trên)...

VI. KINH CON GÁI (*Kumārikasutta*) (S. V. 471)

1156. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận đàn bà, con gái; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận đàn bà, con gái.

(Như kinh trên)...

VII. KINH NỮ TỖ (*Dāsīdāsasutta*) (S. V. 472)

1157. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận lấy các nô tỳ nữ, nô tỳ nam; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận các nô tỳ nữ, nô tỳ nam.

(Như kinh trên)...

VIII. KINH DÊ, DÊ RỪNG (*Ajeḷakasutta*) (S. V. 472)

1158. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận dê và dê rừng; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận dê và dê rừng.

(Như kinh trên)...

IX. KINH GÀ, HEO (*Kukkūṭasūkarasutta*) (S. V. 472)

1159. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận gà, heo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận gà và heo.

(Như kinh trên)...

X. KINH VOI, TRÂU, BÒ, LỪA (*Hatthigavassasutta*) (S. V. 472)

1160. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận voi, bò, ngựa, ngựa cái; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận voi, bò, ngựa, ngựa cái.

(Như kinh trên)...

X. PHẨM CHÚNG SANH NHIỀU HƠN (*CATUTTHAĀMAKADHAÑÑAPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH RUỘNG ĐẤT (*Khettavatthusutta*) (S. V. 473)

1161. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ nhận lấy ruộng đất; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ nhận lấy ruộng đất.

(Như kinh trên)...

II. KINH MUA BÁN (*Kayavikkayasutta*) (S. V. 473)

1162. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ mua bán; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ mua bán.

(Như kinh trên)...

III. KINH ĐƯA TIN TỨC (*Dūteyyasutta*) (S. V. 473)

1163. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ không phái người môi giới hay tự mình không làm môi giới; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ phái người làm môi giới, hay tự mình làm môi giới.

(Như kinh trên)...

IV. KINH CÂN LƯỜNG (*Tulākūṭasutta*) (S. V. 473)

1164. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ các sự gian lận bằng cân, tiền bạc, đo lường.

(Như kinh trên)...

V. KINH HỐI LỘ (*Ukkoṭanasutta*) (S. V. 473)

1165. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ hối lộ, gian trá, lừa đảo; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ hối lộ, gian trá, lừa đảo.

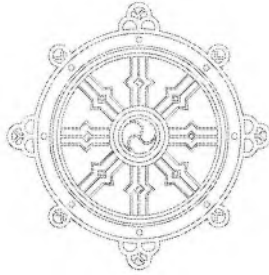
(Như kinh trên)...

VI-XI. KINH CHẶT PHÁ (*Chedanādisutta*)¹⁹ (S. V. 473)

1166-1171. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá; còn nhiều hơn là các chúng sanh không từ bỏ làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không thấy Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” ... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”



¹⁹ Bản tiếng Anh của PTS: *Flogging, Plundering and Violence*, nghĩa là *Sát hại, trộm cắp và cướp phá*.

XI. PHẨM NĂM SANH THỨ (*PAÑCAGATIPEYYĀLAVAGGA*)

I. KINH NGƯỜI [TÁI SINH] XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Manussacutinirayasutta*)²⁰ (S. V. 474)

1172. Rồi Thế Tôn lấy lên một ít đất trên đầu móng tay và bảo các Tỷ-kheo:

– Các ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, cái nào là nhiều hơn, một ít đất Ta lấy trên đầu móng tay, hay quả đất lớn này?

– Cái này là nhiều hơn, bạch Thế Tôn, tức là quả đất. Và ít hơn là một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay. Chúng không thể ước tính được, không thể so sánh được, không thể thành một phần nhỏ được, nếu đem so sánh quả đất lớn với một ít đất mà Thế Tôn lấy trên đầu móng tay.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sinh làm người lại; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sinh trong địa ngục.

(Như kinh trên)...

II. KINH NGƯỜI XUỐNG BÀNG SANH (*Manussacutitiracchānasutta*) (S. V. 474)

1173. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sinh làm người lại; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sinh trong các loài bàng sanh.

(Như kinh trên)...

III. KINH NGƯỜI XUỐNG NGẠ QUỶ (*Manussacutipettivisayasutta*) (S. V. 475)

1174. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sinh làm người lại; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sinh vào cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)...

²⁰ Tên của 30 kinh trong phẩm này trong bản tiếng Anh của PTS đều dịch: *The Five Destinies*, nghĩa là *Năm sanh thú*.

IV-VI. KINH NGƯỜI LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Manussacutidevanirayādisutta*) (S. V. 475)

1175-1177. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người được tái sanh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân người phải tái sanh vào địa ngục... phải tái sanh vào các loài bàng sanh... phải tái sanh vào cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)...

VII-IX. KINH CHƯ THIÊN XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Devacutinirayādisutta*) (S. V. 475)

1178-1180. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên được tái sanh giữa chư thiên. Còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên phải tái sanh trong cõi địa ngục... phải tái sanh trong các loài bàng sanh... phải tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)...

X-XII. KINH CHƯ THIÊN XUỐNG LÀM NGƯỜI, ĐỊA NGỤC (*Devamanussanirayādisutta*) (S. V. 475)

1181-1183. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ thân chư thiên phải tái sanh trong cõi địa ngục... phải tái sanh trong các loài bàng sanh... phải tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)...

XIII-XV. KINH ĐỊA NGỤC LÊN CÕI NGƯỜI, XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Nirayamanussanirayādisutta*) (S. V. 475)

1184-1186. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục được tái sanh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục bị tái sanh trong cõi địa ngục... bị tái sanh trong các loài bàng sanh... bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)...

XVI-XVIII. KINH ĐỊA NGỤC LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC (*Nirayadevanirayādisutta*) (S. V. 476)

1187-1189. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi địa ngục được tái sanh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi

chết từ cõi địa ngục bị tái sinh trong cõi địa ngục... bị tái sinh trong các loài bàng sanh... bị tái sinh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)...

XIX-XXI. KINH BÀNG SANH LÊN CÔI NGƯỜI, XUỐNG ĐỊA NGỤC
(*Tiracchānāmanussanirayādisutta*) (S. V. 476)

1190-1192. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh được tái sinh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sinh trong cõi địa ngục... bị tái sinh trong các loài bàng sanh... bị tái sinh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)...

XXII-XXIV. KINH BÀNG SANH LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC
(*Tiracchānadevanirayādisutta*) (S. V. 476)

1193-1195. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh được tái sinh giữa chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ các loài bàng sanh bị tái sinh trong cõi địa ngục... bị tái sinh trong các loài bàng sanh... bị tái sinh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)...

XXV-XXVII. KINH NGẠ QUỶ LÊN CÔI NGƯỜI, XUỐNG ĐỊA NGỤC
(*Pettimanussanirayādisutta*) (S. V. 476)

1196-1198. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sinh làm người; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sinh trong cõi địa ngục... bị tái sinh trong các loài bàng sanh... bị tái sinh trong cõi ngạ quỷ.

(Như kinh trên)...

XXVIII-XXIX. KINH NGẠ QUỶ LÊN CHƯ THIÊN, XUỐNG ĐỊA NGỤC
(*Pettidevanirayādisutta*) (S. V. 477)

1199. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sinh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sinh trong cõi địa ngục.

1200. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sinh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sinh trong các loài bàng sanh.

XXX. KINH NGẠ QUỶ LÊN CHƯ' THIÊN, XUỐNG NGẠ QUỶ (*Pettidevapettivisayasutta*) (S. V. 477)

1201. (Như kinh trên)...

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ít hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ được tái sanh làm chư thiên; còn nhiều hơn là các chúng sanh sau khi chết từ cõi ngạ quỷ bị tái sanh trong cõi ngạ quỷ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, vì không thấy Bốn Thánh đế. Thế nào là bốn? Thánh đế về Khổ... Thánh đế về Con đường đưa đến khổ diệt.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ tập.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ diệt.” Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là con đường đưa đến khổ diệt.”

